

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: **14069**/BTC-QLKTHà Nội, ngày **20** tháng **12** năm **2024**V/v Xin ý kiến thẩm định Nghị
định quy định xử phạt VPHC
trong lĩnh vực KTDL

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 (sau đây gọi tắt là Luật sửa đổi, bổ sung).

Tại công văn số 13771/BTC-PC ngày 16/12/2024 của Bộ Tài chính đã gửi Bộ Tư pháp đề xuất 15 văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 thuộc trách nhiệm chủ trì của BTC, trong đó có giao Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập theo trình tự rút gọn để đảm bảo có hiệu lực thi hành cùng với hiệu lực của Luật từ ngày 01/01/2025. Tiếp đó, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 133/TTr-BTP trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định theo đúng đề xuất của BTC.

Thực hiện các yêu cầu nêu trên, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập. Dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập đã được gửi xin ý kiến một số doanh nghiệp kiểm toán và tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi Quý cơ quan các dự thảo (i) Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; (ii) Dự thảo Nghị định; (iii) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Do Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy trình rút gọn và có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 cùng với hiệu lực thi hành của Luật sửa đổi, bổ sung, đề

ngộ Quý Bộ gửi văn bản thẩm định về Bộ Tài chính *trước ngày 24/12/2024* để tổng hợp trình Chính phủ ban hành Nghị định trong tháng 12.

(Mọi thông tin xin liên hệ: Chị Hà Thị Phương Thanh – Phó Trưởng phòng Quản lý giám sát kiểm toán – Số điện thoại: 0837966000).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ. / *g*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Vụ Pháp chế
- Lưu: VT, QLKT (10). *g*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Số: 379/TTr - BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH**Dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực kiểm toán độc lập***(Tài liệu gửi Bộ Tư pháp để phục vụ thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định)*

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập (Nghị định quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL) theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KTĐL**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia đã được Quốc hội Khóa XV thông qua ngày 29/11/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 (Luật sửa đổi, bổ sung), trong đó tại khoản 7 Điều 3 có sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập "1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chịu các biện pháp quản lý nhà nước theo quy định của Luật này, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. 2. Mức phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập tối đa là 02 tỷ đồng đối với tổ chức; 01 tỷ đồng đối với cá nhân. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là năm năm. 3. Chính phủ quy định chi tiết việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập". Với việc Luật giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này, Bộ Tài chính cần xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ để sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập¹ (KTĐL) theo quy định. Nghị

¹ Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập (Nghị định số 41) và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

định cần thể hiện các nội dung đã sửa đổi, bổ sung các quy định về nâng mức xử phạt tối đa đối với tổ chức là 2 tỷ đồng và cá nhân là 1 tỷ đồng, nâng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực KTĐL lên 5 năm². Các quy định của Nghị định nhất quán với việc Luật quy định rõ hơn việc tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm thì còn phải chịu cả các biện pháp quản lý nhà nước theo quy định ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Ngày 19/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1610/QĐ-TTg về danh mục văn bản và phân công chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 tháng 10 năm 2024, trong đó giao Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL theo trình tự thủ tục rút gọn để đảm bảo có hiệu lực thi hành cùng với hiệu lực của Luật từ ngày 01/01/2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Điều 60 Luật Kiểm toán độc lập và Nghị định số 41 quy định về việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, trong đó bao gồm các hành vi vi phạm hành chính và các hành vi thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập. Có thể đánh giá Nghị định số 41 đã bao quát được các vi phạm hành chính trong lĩnh vực KTĐL, đã đảm bảo được tính hiệu lực, hiệu quả trong thực tế triển khai đã xử lý các trường hợp vi phạm, từ đó chấn chỉnh hoạt động kiểm toán độc lập đi vào nề nếp. Việc xử lý phạt tiền đối với các hành vi vi phạm này cũng tương đồng với mức xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được quy định trong Nghị định 41, phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính hiện nay.

Tuy nhiên, trong thực tế triển khai thực hiện Nghị định số 41 đã phát sinh một số trường hợp không thực hiện được do các trường hợp này khi phát hiện hành vi vi phạm thì đã hết thời hiệu xử phạt (quy định hiện nay là 01 năm đối với lĩnh vực kiểm toán độc lập), vì vậy không xử phạt được. Một số trường hợp quy định chưa phù hợp với bản chất của hành vi vi phạm cũng như thông lệ quốc tế; mức xử phạt còn thấp chưa đủ tính răn đe. Do đó, các doanh nghiệp kiểm toán, đối tượng vi phạm có xu hướng không ngại vi phạm các quy định của Luật KTĐL và các văn bản hướng dẫn. Ngoài ra, qua công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm, một số hành vi vi phạm của các DNKT, kiểm toán viên chưa được xử lý thỏa đáng theo mức xử phạt, thời hiệu xử phạt theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số, quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập (Nghị định số 102)

² Nghị định số 41 quy định mức xử phạt hiện nay tối đa đối với tổ chức là 100 triệu đồng và cá nhân là 50 triệu đồng; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực KTĐL từ 1 năm.

Nghị định số 41/2018/NĐ-CP quy định các hành vi vi phạm có tính chất nghiêm trọng nhưng chưa bị xử phạt tương xứng với bản chất của hành vi vi phạm để đảm bảo tính răn đe cao hơn. Đặc biệt đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng về việc tuân thủ chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch số liệu, giả mạo hồ sơ tài liệu dẫn đến chất lượng báo cáo kiểm toán phát hành ảnh hưởng rất lớn đến quyết định của các bên như cơ quan quản lý, nhà đầu tư, ngân hàng và các bên liên quan khác.

Trong thời gian qua, Đảng và Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản thể hiện quan điểm, chủ trương mới liên quan đến lĩnh vực kiểm toán cần được thể chế hóa. Luật sửa đổi, bổ sung được ban hành đã cụ thể hóa quan điểm chủ trương này. Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung được ban hành, Bộ Tài chính đã rà soát và đánh giá các nội dung cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 41, như sau:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung này, cụ thể cần quy định mức xử phạt tương xứng với hành vi vi phạm để đảm bảo tính răn đe được quy định tại khoản 7 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung “2. *Mức phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập tối đa là 02 tỷ đồng đối với tổ chức; 01 tỷ đồng đối với cá nhân. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là năm năm*”.

- Bổ sung một số hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề và DNKT khi có kết quả kiểm tra hồ sơ kiểm toán xếp loại “Không đạt yêu cầu” hoặc “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng”.

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ hơn nhằm thuận tiện trong việc theo dõi, quản lý, giám sát, phát hiện hành vi và xử phạt VPHC đối với các nhóm hành vi vi phạm về nghĩa vụ nộp báo cáo, thông báo, báo cáo của kiểm toán viên hành nghề và DNKT.

- Sửa đổi, bổ sung về thẩm quyền xử phạt VPHC của Thanh tra tài chính và Ủy ban nhân dân các cấp.

Để triển khai Luật sửa đổi, bổ sung phải sửa đổi, bổ sung một số nội dung nêu trên của Nghị định số 41 và Nghị định số 102 để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và tuân thủ quy định của Luật sửa đổi, bổ sung.

Ngoài ra, Nghị định số 41 hiện đang quy định xử phạt VPHC đối với cả lĩnh vực kế toán và KTĐL. Luật sửa đổi, bổ sung chỉ sửa đổi mức xử phạt tối đa và thời hiệu xử phạt đối với lĩnh vực KTĐL áp dụng cho các đối tượng khác với lĩnh vực kế toán. Ngoài ra, các quy định về xử phạt VPHC đối với 2 lĩnh vực này tại Nghị định số 41 quy định các hành vi riêng biệt, độc lập với nhau, không bị tham chiếu phụ thuộc nhau. Do vậy, để đảm bảo thuận lợi trong quá trình sửa đổi,

bổ sung các nội dung liên quan đến lĩnh vực KTĐL mà không ảnh hưởng đối với các quy định xử phạt trong lĩnh vực kế toán cũng như thực tiễn áp dụng sau này, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép ban hành Nghị định mới quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL (thay thế toàn bộ các nội dung xử phạt về KTĐL tại Nghị định số 41 và Nghị định số 102), nội dung xử phạt về kế toán chưa sửa đổi lần này.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KTĐL

1. Mục đích ban hành

1.1. Mục đích chung

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước; hoàn thiện thể chế pháp luật trong lĩnh vực kiểm toán độc lập qua đó tạo hành lang pháp lý đầy đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;

- Thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh;

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật, quy hoạch, kiểm tra, giám sát; thúc đẩy đơn giản hóa thủ tục hành chính và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số; xóa bỏ cơ chế xin – cho; khơi thông, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, lấy đầu tư công, nguồn lực Nhà nước dẫn dắt và kích hoạt mọi nguồn lực hợp pháp khác;

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tháo gỡ vướng mắc tại các quy định pháp luật hiện hành;

- Kế thừa và phát huy những quy định hiện hành đã được thực tiễn chứng minh đem lại các tác động tích cực đến KT-XH của đất nước; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

1.2. Mục đích cụ thể

Hướng dẫn chi tiết các nội dung được sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 7 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung “2. *Mức phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập tối đa là 02 tỷ đồng đối với tổ chức; 01 tỷ đồng đối với cá nhân. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là năm năm*” để đảm bảo một số hành vi vi phạm nghiêm trọng bị xử phạt ở mức răn đe, trong thời hiệu xử phạt và có thể ngăn chặn các hành vi vi phạm để kịp thời áp dụng từ ngày 01/01/2025.

2. Quan điểm xây dựng

- Đảm bảo thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng về các chính sách tài chính;
- Tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định mới đã được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, tăng cường tính minh bạch của các thông tin quản lý và ra quyết định;
- Những quy định cần sửa đổi, bổ sung phải được xác định rõ ràng nội dung, phương án sửa đổi, bổ sung; đồng thời đảm bảo tính độc lập, ổn định, thống nhất, kế thừa được nội dung khi bổ sung toàn diện các văn bản pháp luật;
- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của pháp luật, hướng dẫn cụ thể để triển khai quy định của Luật từ 01/01/2025;
- Đảm bảo sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận; cam kết của Việt Nam; đảm bảo mục tiêu hội nhập quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KTĐL

Nghị định này sửa đổi, bổ sung và thay thế phần xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL quy định tại Nghị định số 41 và Nghị định số 102.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KTĐL

- Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

- Ngày 19/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1610/QĐ-TTg về danh mục văn bản và phân công chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 tháng 10 năm 2024, trong đó giao Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL theo trình tự thủ tục rút gọn để đảm bảo có hiệu lực thi hành cùng với hiệu lực của Luật từ ngày 01/01/2025.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, hồ sơ soạn thảo văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, cụ thể:

+ Ngày 10/12/2024, Bộ Tài chính đã có công văn số 1145/QLKT-KT và số 1146/QLKT-KT xin ý kiến các đơn vị thuộc đối tượng điều chỉnh áp dụng của

Nghị định và các đối tượng khác có liên quan (Các doanh nghiệp kiểm toán; tổ chức nghề nghiệp kế toán kiểm toán, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính,...).

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các đơn vị, Bộ Tài chính đã tổng hợp giải trình, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

+ Ngày....., Bộ Tài chính đã có công văn số ... xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

+ Ngày ..., Bộ Tài chính nhận được Báo cáo thẩm định số ... của Bộ Tư pháp.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Ngày, Bộ Tài chính đã ký Tờ trình số .../TTr gửi Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành dự thảo Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL. Ngày, Chính phủ đã có báo cáo thẩm tra số và đã họp, xem xét, cho ý kiến về dự thảo Nghị định này. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện lại dự thảo Nghị định này.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KTĐL

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung gồm 4 chương, 9 mục và 44 Điều, cụ thể như sau:

*** Chương I. Những quy định chung: Gồm 6 Điều (Điều 1 đến Điều 6)**

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;
- Điều 2. Đối tượng áp dụng;
- Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính;
- Điều 4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính;
- Điều 5. Các biện pháp khắc phục hậu quả;
- Điều 6. Mức phạt tiền trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

*** Chương II. Hình thức xử phạt và mức xử phạt trong lĩnh vực KTĐL: Gồm 9 mục và 33 Điều (Điều 7 đến Điều 39)**

- Mục 1. Hành vi vi phạm quy định về thi chứng chỉ và cập nhật kiến thức cho kiểm toán, gồm 2 Điều:

+ Điều 7. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ dự thi Chứng chỉ kiểm toán viên;

+ Điều 8. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên.

- *Mục 2. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký hành nghề kiểm toán, gồm 3 Điều:*

+ Điều 9. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên;

+ Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên;

+ Điều 11. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

- *Mục 3. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và kinh doanh dịch vụ kiểm toán, gồm 3 Điều:*

+ Điều 12. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

+ Điều 13. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

+ Điều 14. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán;

- *Mục 4. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động kiểm toán, gồm 9 Điều:*

+ Điều 15. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp;

+ Điều 16. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chấp nhận thực hiện kiểm toán;

+ Điều 17. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hợp đồng kiểm toán;

+ Điều 18. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo mật;

+ Điều 19. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về báo cáo kiểm toán;

+ Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập;

+ Điều 21. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hồ sơ kiểm toán;

+ Điều 22. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán;

+ Điều 23. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tiêu hủy hồ sơ kiểm toán.

- *Mục 5. Hành vi vi phạm quy định về đơn vị được kiểm toán, gồm 3 Điều:*

+ Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán;

+ Điều 25. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm;

+ Điều 26. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến cuộc kiểm toán.

- *Mục 6. Hành vi vi phạm quy định về kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng, gồm 6 Điều:*

+ Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận;

+ Điều 28. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về thực hiện dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng;

+ Điều 29. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin báo cáo minh bạch;

+ Điều 30. Xử phạt hành vi vi phạm về hồ sơ đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị lợi ích công chúng;

+ Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến trách nhiệm của đơn vị có lợi ích công chúng;

+ Điều 32. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập.

- *Mục 7. Hành vi vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng dịch vụ kiểm toán qua biên giới, gồm 4 Điều:*

+ Điều 33. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

+ Điều 34. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới;

+ Điều 35. Xử phạt hành vi vi phạm về nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

+ Điều 36. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

- *Mục 8. Hành vi vi phạm quy định về thông báo và báo cáo, gồm 2 Điều:*

+ Điều 37. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán;

+ Điều 38. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của kiểm toán viên hành nghề.

- Mục 9. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán, gồm 1 Điều:

+ Điều 39. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

*** Chương III. Thẩm quyền lập biên bản, xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL, gồm 3 Điều (Điều 40 đến Điều 42)**

- Điều 40. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập;

- Điều 41. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra tài chính, thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

- Điều 42. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

*** Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 2 Điều (Điều 43 đến Điều 44)**

- Điều 43. Hiệu lực thi hành;

- Điều 44. Trách nhiệm thi hành.

2. Nội dung cơ bản

Những nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định căn cứ các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung; chỉ đạo của Chính phủ bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước, Hiến pháp năm 2013; không có quy định trái các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Các nội dung cụ thể được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Về những quy định chung (Điều 1 - Điều 6)

Khoản 2 Điều 60 Luật Kiểm toán độc lập có quy định: “2. Mức phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập tối đa là 02 tỷ đồng đối với tổ chức; 01 tỷ đồng đối với cá nhân. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là năm năm”. Để triển khai thực hiện quy định này, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức từ 100 triệu đồng lên 2 tỷ đồng, đối với cá nhân từ 50 triệu đồng lên 1 tỷ và điều chỉnh thời hiệu xử phạt VPHC từ 1 năm lên 5 năm.

2. Về hình thức xử phạt và mức xử phạt trong lĩnh vực KTĐL (Điều 7 - Điều 39)

- Đối với nhóm hành vi vi phạm quy định về thi chứng chỉ và cập nhật kiến thức cho kiểm toán (Điều 7, Điều 8):

+ Dự thảo giữ nguyên các hành vi và mức xử phạt như quy định hiện hành, điều chỉnh mức tiền phạt cho phù hợp hơn với thực tế triển khai.

+ Ghép các trường hợp chậm nộp báo cáo và thông báo cho Bộ Tài chính dưới 15 ngày và trên 15 ngày thành 1 hành vi chậm thông báo theo quy định để thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý.

- *Đối với nhóm hành vi vi phạm quy định về đăng ký hành nghề kiểm toán (Điều 9- Điều 10):*

+ Dự thảo giữ nguyên các hành vi và mức xử phạt đối với hầu hết các hành vi, điều chỉnh mức tiền phạt cho phù hợp hơn với thực tế triển khai; chuyển các hình thức xử phạt bổ sung tại Nghị định 41 “*Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*” thành các biện pháp quản lý nhà nước là “*Đình chỉ hành nghề kiểm toán*” cho thống nhất và phù hợp hơn với thực tế triển khai, đồng thời không bị giới hạn về thời hạn xử phạt là 5 năm;

+ Ghép các hành vi chậm nộp trả lại Giấy chứng nhận (GCN) cho Bộ Tài chính dưới 15 ngày và trên 15 ngày.

- *Đối với nhóm hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và kinh doanh dịch vụ kiểm toán (Điều 11 - Điều 13):*

+ Dự thảo điều chỉnh mức phạt tiền cao hơn mức hiện hành đối với hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ GCN đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; ghép các hành vi chậm nộp trả lại GCN đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính và chậm làm thủ tục cấp lại GCN dưới 15 ngày và trên 15 ngày;

+ Bỏ quy định “*Tước quyền sử dụng GCN đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán...*” mà chuyển sang xử lý theo biện pháp quản lý nhà nước (Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán) cho phù hợp với thực tế triển khai và không bị ảnh hưởng giới hạn bởi thời hiệu xử phạt VPHC là 05 năm.

- *Đối với nhóm hành vi vi phạm quy định về hoạt động kiểm toán (Điều 15 - Điều 23):*

+ Dự thảo bỏ quy định “*Tước quyền sử dụng GCN đăng ký hành nghề kiểm toán...*” mà chuyển sang xử lý theo biện pháp quản lý nhà nước (Đình chỉ hành nghề kiểm toán) cho phù hợp với thực tế triển khai và không bị ảnh hưởng giới hạn bởi thời hiệu xử phạt VPHC là 05 năm;

+ Điều chỉnh mức phạt tiền cao hơn theo từng cấp độ đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng, nhiều lần và thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (Thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán gây hậu quả nghiêm trọng; Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán gây hậu quả nghiêm trọng; Không lập hồ sơ kiểm toán; Hành nghề với tư cách cá nhân), mức

phạt tối đa đối với nhóm hành vi này lên đến mức cao nhất với cả cá nhân và tổ chức, đồng thời dự thảo cũng quy định các khung mức phạt phù hợp với tính chất và mức độ vi phạm của từng hành vi;

+ Bỏ quy định “*Tước quyền sử dụng GCN đăng ký hành nghề kiểm toán...*” và chuyển sang xử lý theo biện pháp quản lý nhà nước (Đình chỉ hành nghề kiểm toán) cho phù hợp với thực tế triển khai và không bị ảnh hưởng giới hạn bởi thời hiệu xử phạt VPHC là 05 năm.

- *Đối với nhóm hành vi vi phạm quy định về đơn vị được kiểm toán (Điều 24 – Điều 26):* Dự thảo giữ nguyên các hành vi như quy định hiện hành và điều chỉnh mức tiền phạt cho phù hợp hơn với thực tế triển khai và hành vi vi phạm.

- *Đối với nhóm hành vi vi phạm quy định về kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng (Điều 27 – Điều 32):*

+ Ghép các trường hợp chậm báo cáo, chậm công bố thông tin dưới 15 ngày và trên 15 ngày.

+ Bỏ quy định “*Tước quyền sử dụng GCN đăng ký hành nghề kiểm toán, GCN đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán*” và chuyển sang xử lý theo biện pháp quản lý nhà nước (Đình chỉ hành nghề kiểm toán, đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán).

+ Điều chỉnh mức phạt tiền cao hơn đối với một số hành vi “*Xác nhận các tài liệu không đúng thực tế, tài liệu giả mạo, khai man trong hồ sơ; kê khai không đúng thực tế; giả mạo, khai man hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng*” vì các hành vi này có tính chất vi phạm và có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích công chúng.

+ Sửa đổi hành vi vi phạm về ký báo cáo kiểm toán, thực hiện kiểm toán quá 5 năm liên tục (Nghị định số 41 đang quy định 4 năm liên tục) để đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung.

- *Đối với nhóm hành vi vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng dịch vụ kiểm toán qua biên giới (Điều 33 – Điều 36):*

+ Ghép các trường hợp chậm thông báo, nộp báo cáo dưới 15 ngày và trên 15 ngày.

+ Bỏ quy định “*Tước quyền sử dụng GCN đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán*” và chuyển sang xử lý theo biện pháp quản lý nhà nước.

+ Điều chỉnh mức phạt tiền cao hơn đối với một số hành vi (không lưu trữ hồ sơ kiểm toán, không cung cấp hồ sơ kiểm toán cho cơ quan chức năng,...).

- *Đối với nhóm hành vi vi phạm quy định về thông báo và báo cáo (Điều 37, 38):*

+ Ghép các trường hợp chậm thông báo, nộp báo cáo dưới 15 ngày và trên 15 ngày.

+ Bổ sung hành vi: “*Không thông báo bằng văn bản; thông báo bằng văn bản chậm cho Bộ Tài chính với thời hạn quy định kể từ ngày KTV hành nghề bị cấm hành nghề kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán, kiểm toán; bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc*” để đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung.

- *Đối với nhóm hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán (Điều 39):*

+ Ghép các trường hợp chậm nộp các báo cáo dưới 15 ngày và trên 15 ngày.

+ Bổ sung xử phạt đối với cá nhân và DNKT theo từng cấp độ hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần và đặc biệt thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (khi có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 3 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán không đạt yêu cầu; Có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 4 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng). Đối với nhóm này do tính chất vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến lợi ích công chúng nên mức xử phạt tối đa lên đến mức cao nhất với cả cá nhân và tổ chức, đồng thời bị xử lý đình chỉ hành nghề kiểm toán, đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Về thẩm quyền lập biên bản, xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL (Điều 40 – Điều 42)

Dự thảo sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo quy định của tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành với mức phạt tiền tối đa lên đến 1 tỷ với cá nhân và 2 tỷ đồng đối với tổ chức.

4. Về điều khoản thi hành (Điều 43, 44)

Để đảm bảo phù hợp với hiệu lực thi hành với Luật sửa đổi, bổ sung, dự thảo Nghị định đã quy định “*Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025*”.

Nghị định này thay thế các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập tại Nghị định số 41 và Nghị định số 102.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

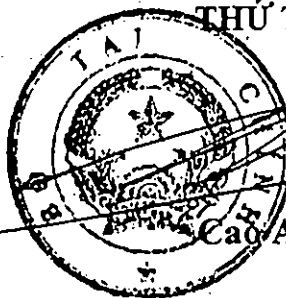
Xin gửi kèm theo:

- (1). Dự thảo Nghị định quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL;
- (2). Báo cáo thẩm định;
- (3). Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Lưu: VT, QLKT(5b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo lần 3

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 12 năm 2022;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, thời hiệu xử phạt, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

2. Các hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến lĩnh vực kiểm toán độc lập mà không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập theo quy định của Nghị định này bao gồm:

a) Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

c) Tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán;

3. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là 5 năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

c) Đối với hành vi vi phạm về kiểm toán độc lập quy định tại Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hành chính để tính thời hiệu xử phạt là:

- Thời điểm tổ chức, cá nhân thực hiện xong quy trình nghiệp vụ, yêu cầu công việc theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập;

- Thời điểm tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi vi phạm để thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

d) Để xem xét hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc hay đang thực hiện, ngoài việc căn cứ điểm c trên đây, cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính căn cứ vào quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập, hồ sơ, tài liệu và tình tiết của từng vụ việc cụ thể để xác định hành vi vi phạm đã kết thúc hay hành vi vi phạm đang thực hiện.

3. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân do cơ quan tiến hành tố tụng chuyên đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

4. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Các hình thức xử phạt chính:

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính).

Điều 5. Các biện pháp khắc phục hậu quả

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt quy định tại Điều 4 Nghị định này còn có thể bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

1. Buộc nộp và công khai báo cáo kiểm toán đính kèm báo cáo tài chính;

2. Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;

3. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

Điều 6. Mức phạt tiền trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập

1. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7; khoản 1, 3 Điều 9; khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 10; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19; khoản 2 Điều 20; khoản 1 Điều 28; khoản 1, khoản 2 Điều 32; Điều 38; khoản 4, 5, 8, 9 Điều 39 là mức phạt tiền đối với cá nhân. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền xử phạt của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân đối với chức danh đó.

Chương II

HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Mục 1. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THI CHỨNG CHỈ VÀ CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KIỂM TOÁN VIÊN

Điều 7. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ dự thi Chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân thực hiện hành vi kê khai không đúng thực tế thông tin trong hồ sơ dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, giả mạo, khai man về bằng cấp, chứng chỉ và các tài liệu khác trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không theo dõi, điểm danh đối với học viên tham gia học cập nhật;

b) Không thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của học viên trên Phiếu đánh giá chất lượng lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên;

c) Không cấp Giấy chứng nhận cho học viên đã tham gia cập nhật kiến thức và Giấy xác nhận cho kiểm toán viên tham gia giảng dạy các lớp học cập nhật kiến thức sau mỗi lớp học;

d) Tổ chức lớp học cập nhật kiến thức với số lượng học viên/1 lớp không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên không đúng với nội dung, chương trình đã đăng ký với Bộ Tài chính;

b) Nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính sau mỗi lớp học chậm so với thời hạn quy định;

c) Thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức lớp học, chi tiết về giảng viên, số lượng kiểm toán viên hành nghề đăng ký tham dự học trước khi tổ chức lớp học chậm so với thời hạn quy định; hoặc thông báo cho Bộ Tài chính khi có sự thay đổi về các nội dung trên chậm so với thời hạn quy định;

d) Nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên chậm so với thời hạn quy định;

đ) Kê khai không đúng thực tế, giả mạo, khai man hồ sơ để được chấp thuận tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên;

e) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tổ chức cập nhật kiến thức kiểm toán viên theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính sau mỗi lớp học;

b) Không thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức lớp học, chi tiết về giảng viên, số lượng kiểm toán viên hành nghề đăng ký tham dự học trước khi tổ chức lớp học; hoặc không thông báo cho Bộ Tài chính khi có sự thay đổi về các nội dung trên theo quy định;

c) Không nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên;

d) Thực hiện việc cập nhật kiến thức để tính giờ cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;

đ) Báo cáo không đúng số lượng người tham gia học cập nhật kiến thức hoặc báo cáo không đúng số giờ cập nhật của kiểm toán viên;

e) Không tổ chức lớp nhưng báo cáo có tổ chức lớp;

g) Cấp Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho học viên thực tế không tham gia cập nhật kiến thức.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 3 Điều này từ lần thứ hai trở đi (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm tổ chức đó đang được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên).

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d, điểm g khoản 3 Điều này.

MỤC 2. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KIỂM TOÁN

Điều 9. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung Chứng chỉ kiểm toán viên;

b) Cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên của mình để đăng ký hành nghề kiểm toán hoặc đăng ký hành nghề kiểm toán tại đơn vị nơi mình thực tế không làm việc theo hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên của người không làm việc hoặc làm việc theo hợp đồng lao động không đảm bảo là làm toàn bộ thời gian tại đơn vị mình để đăng ký hành nghề kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo Chứng chỉ kiểm toán viên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế các thông tin, tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán lần thứ 2.

5. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán lần thứ ba trở đi.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 11. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính so với thời hạn quy định;

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Mục 3. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 12. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận các tài liệu không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán lần thứ 2.

5. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán lần thứ 3 trở đi.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 13. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi bị thu hồi;

b) Không làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có thay đổi phải điều chỉnh theo quy định;

c) Không làm thủ tục hoặc làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán chậm so với thời hạn quy định;

d) Sửa chữa, tẩy xóa, làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính khi bị thu hồi.

b) Sửa chữa, tẩy xóa, làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

c) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi tái phạm giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán lần thứ 2.

5. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi tái phạm giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán lần thứ 3 trở đi.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Điều 14. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định nhưng sử dụng cụm từ "kiểm toán" trong tên gọi.

b) Không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán nhưng không làm thủ tục xóa ngành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ kiểm toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Tiếp tục kinh doanh các dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập khi đã tạm ngừng hoặc bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

c) Tiếp tục kinh doanh các dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập khi bị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 4. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

Điều 15. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp không đúng với quy định của Bộ Tài chính.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

Điều 16. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chấp nhận thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi không bảo đảm tính độc lập, không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi khách hàng, đơn vị được kiểm toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trái với quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hợp đồng kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán không đầy đủ các nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán sau khi thực hiện kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán khi thực hiện kiểm toán.

Điều 18. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo mật

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán, trừ trường hợp khách hàng, đơn vị được kiểm toán chấp thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo mật.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 19. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về báo cáo kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên thực hiện một trong các hành vi sau:

- a) Ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;
- b) Ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính được kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với kiểm toán viên thực hiện hành vi ký báo cáo kiểm toán quá 05 năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với kiểm toán viên thực hiện hành vi ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;

b) Phát hành báo cáo kiểm toán mà ngày ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính;

c) Lập báo cáo kiểm toán không có đầy đủ chữ ký của kiểm toán viên hành nghề theo quy định;

d) Giải trình không đầy đủ, đúng thời gian quy định về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, của đại diện chủ sở hữu đơn vị được kiểm toán.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không giải trình về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, của đại diện chủ sở hữu đơn vị được kiểm toán.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện hành vi bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán quá 05 năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán.

7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi bố trí người ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề

Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông tin, giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam;

b) Mua, nhận, biếu, tặng, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của đơn vị được kiểm toán không phân biệt số lượng;

c) Mua, bán trái phiếu hoặc tài sản khác của đơn vị được kiểm toán có ảnh hưởng đến tính độc lập theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;

d) Nhận hoặc đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ đơn vị được kiểm toán ngoài khoản tiền dịch vụ và chi phí đã thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết;

đ) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng, đơn vị được kiểm toán;

e) Can thiệp vào hoạt động kinh doanh của khách hàng, đơn vị được kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán;

g) Thực hiện thu nợ cho đơn vị được kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật;

b) Làm việc cho từ hai doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam trở lên trong cùng một thời gian;

c) Góp vốn vào từ hai doanh nghiệp kiểm toán trở lên.

d) Hành nghề kiểm toán với tư cách cá nhân;

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán lần thứ 2 trở đi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán.

5. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này đối với các doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm tại các khoản này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 21. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ kiểm toán đối với 01 cuộc kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ kiểm toán từ 02 cuộc kiểm toán trở lên.

3. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu tái phạm trong các lần kiểm tra, phát hiện tiếp theo.

4. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này khi thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm quy định tại các khoản này.

Điều 22. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán không đầy đủ, an toàn, dễ hư hỏng, mất mát hồ sơ kiểm toán trong quá trình sử dụng và trong thời hạn lưu trữ;

b) Đưa hồ sơ kiểm toán vào lưu trữ chậm quá 12 tháng kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán;

c) Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục để duy trì tính bảo mật, an toàn, toàn vẹn, có khả năng tiếp cận và phục hồi được của hồ sơ kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán;

d) Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục về lưu trữ hồ sơ kiểm toán trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không thực hiện lưu trữ hồ sơ kiểm toán bằng giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Điều 23. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tiêu hủy hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Quyết định tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không đúng thẩm quyền;

b) Tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không thành lập hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp, thủ tục tiêu hủy và không lập danh mục hồ sơ kiểm toán tiêu hủy, không lập biên bản tiêu hủy hồ sơ kiểm toán hết thời hạn lưu trữ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện việc hủy bỏ hồ sơ kiểm toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định hoặc cố ý làm hư hỏng hồ sơ kiểm toán.

Mục 5. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị thuế doanh nghiệp kiểm toán trong các trường hợp doanh nghiệp kiểm toán không được thực hiện kiểm toán theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đơn vị thuế doanh nghiệp kiểm toán không đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp và các công việc kiểm toán khác theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và pháp luật khác có liên quan.

Điều 25. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính chậm hơn so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán sau khi thực hiện kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm không thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính khi thực hiện kiểm toán.

Điều 26. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến cuộc kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán giải trình không đầy đủ, đúng thời gian quy định về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không giải trình về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán theo yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề hoặc doanh nghiệp kiểm toán;

b) Che giấu hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;

c) Cản trở công việc và có hành vi hạn chế phạm vi cuộc kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán;

b) Đe dọa, trả thù, ép buộc thành viên tham gia cuộc kiểm toán nhằm làm sai lệch kết quả kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng lần thứ 2 trở đi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán;

b) Đe dọa, trả thù, ép buộc thành viên tham gia cuộc kiểm toán nhằm làm sai lệch kết quả kiểm toán.

5. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này đối với các đơn vị được kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm tại các khoản này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

MỤC 6. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHỨNG

Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với đối với doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi thay đổi tên gọi, trụ sở, lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán chậm so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi thay đổi tên gọi, trụ sở, lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán.

Điều 28. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về thực hiện dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo kết quả công tác soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng khi thuộc một trong các trường hợp không được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

b) Đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét khi doanh nghiệp kiểm toán chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính;

c) Đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét hoặc tiếp tục thực hiện hợp đồng kiểm toán, soát xét đã ký với doanh nghiệp kiểm toán trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán đó bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 29. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin báo cáo minh bạch

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bản báo cáo minh bạch khi công bố không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền;

b) Thực hiện công bố thông tin trong báo cáo minh bạch hoặc cập nhật các thông tin thay đổi chậm so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

- a) Không lập trang thông tin điện tử theo quy định;
- b) Không công bố và không cập nhật đầy đủ thông tin trong báo cáo minh bạch trên trang thông tin điện tử;
- c) Công bố sai lệch thông tin trong báo cáo minh bạch.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 30. Xử phạt hành vi vi phạm về hồ sơ đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị lợi ích công chúng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận các tài liệu không đúng thực tế, tài liệu giả mạo, khai man trong hồ sơ đề đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ đề đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man hồ sơ đề đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man hồ sơ đề đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng lần thứ 2.

5. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man hồ sơ đề đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng lần thứ 3 trở đi.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến trách nhiệm của đơn vị có lợi ích công chúng

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị có lợi ích công chúng thực hiện một trong các hành vi sau:

1. Không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ.
2. Không tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.
3. Lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận khác đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính khi báo cáo tài chính đó đã được một doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật.

4. Không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị mình lý do thay đổi doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận so với năm trước liền kề và lý do thay đổi doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán (nếu có).

5. Không thông báo với cơ quan có thẩm quyền chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị mình khi phát hiện kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập.

6. Cung cấp thông tin, số liệu không đúng sự thật liên quan đến các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

7. Không giải trình, cung cấp thông tin liên quan đến các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 32. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đã thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng nay giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng của đơn vị có lợi ích công chúng đó mà thời gian kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm toán đến ngày giữ các chức vụ này dưới mười hai tháng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng quá 5 năm tài chính liên tục;

b) Ký báo cáo kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng quá 5 năm tài chính liên tục.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đơn vị có lợi ích công chúng chấp thuận kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính quá 5 năm tài chính liên tục;

b) Doanh nghiệp kiểm toán bố trí kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho một đơn vị có lợi ích công chúng quá 5 năm tài chính liên tục;

c) Doanh nghiệp kiểm toán bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán cho một đơn vị có lợi ích công chúng quá 5 năm tài chính liên tục.

Mục 7. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN QUA BIÊN GIỚI

Điều 33. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kiểm toán nước ngoài thực hiện hành vi tẩy xóa, sửa chữa hồ

sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Giả mạo hồ sơ để nghị đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Tiếp tục kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi đã tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán, bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ việc thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều này.

Điều 34. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thanh toán và chuyên tiền liên quan đến cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới không theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối của Việt Nam;

b) Không giao kết hợp đồng kiểm toán theo quy định của pháp luật Việt Nam khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

c) Không lập hợp đồng liên danh khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam thực hiện liên danh với doanh nghiệp nước ngoài không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện liên danh với doanh nghiệp tại Việt Nam không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài không thực hiện liên danh với doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

Điều 35. Xử phạt hành vi vi phạm về nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi không đảm bảo một trong các điều kiện theo quy định để được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, văn bản nhận xét của cơ quan quản lý hành nghề kiểm toán nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kiểm toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định;

c) Nộp báo cáo về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam cho Bộ Tài chính chậm ~~dưới 15 ngày~~ so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi không đảm bảo một trong các điều kiện theo quy định để được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Không nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, văn bản nhận xét của cơ quan quản lý hành nghề kiểm toán nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kiểm toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính theo quy định;

c) Không báo cáo, báo cáo không đúng thực tế về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm hoặc cung cấp dịch vụ kiểm toán khi thuộc các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập của Việt Nam;

b) Không tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam khi thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Không báo cáo, giải trình cho các cơ quan chức năng của Việt Nam các nội dung liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

Điều 36. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Lưu trữ không đầy đủ hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Cung cấp không đầy đủ, không đúng thời hạn quy định cho cơ quan chức năng hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh khi được yêu cầu;

c) Giải trình không đầy đủ, không đúng thời hạn quy định với các cơ quan chức năng về báo cáo kiểm toán, hồ sơ kiểm toán và các vấn đề khác phát sinh từ cuộc kiểm toán liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không lưu trữ hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Không cung cấp cho cơ quan chức năng hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi được yêu cầu;

c) Không giải trình cho các cơ quan chức năng về báo cáo kiểm toán, hồ sơ kiểm toán và các vấn đề khác phát sinh từ cuộc kiểm toán liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

d) Không báo cáo cho Bộ Tài chính tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

**Mục 8. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÔNG BÁO
VÀ BÁO CÁO**

Điều 37. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi có thay đổi phải thông báo theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập;

b) Nộp báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị mình cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định;

c) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Nộp cho Bộ Tài chính Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu chậm so với thời hạn quy định;

e) Nộp cho Bộ Tài chính Báo cáo tình hình hoạt động năm chậm so với thời hạn quy định;

g) Nộp cho Bộ Tài chính Báo cáo tài chính năm trước liền kề chậm so với thời hạn quy định;

h) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh kiểm toán;

i) Nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định;

k) Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định;

l) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định kể từ ngày kiểm toán viên hành nghề đang bị cấm hành nghề kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi có thay đổi phải thông báo theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập;

b) Không nộp báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị mình kèm theo Báo cáo duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của từng kiểm toán viên cho Bộ Tài chính theo quy định;

c) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo theo quy định của pháp luật;

d) Không báo cáo Bộ Tài chính khi bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Không báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu cho Bộ Tài chính;

e) Không nộp báo cáo tình hình hoạt động năm cho Bộ Tài chính theo quy định;

g) Không nộp báo cáo tài chính năm trước liền kề cho Bộ Tài chính theo quy định;

h) Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh kiểm toán;

i) Không nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính theo quy định;

k) Không thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao tài liệu cho Bộ Tài chính về việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở của doanh nghiệp kiểm toán ở nước ngoài;

l) Không báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính theo quy định;

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi thông báo chậm so với thời hạn quy định hoặc không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính kể từ ngày kiểm toán viên hành nghề đang bị cấm hành nghề kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án một trong các tội về kinh tế, chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của kiểm toán viên hành nghề

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện thông báo, báo cáo cho Bộ Tài chính chậm so với thời hạn quy định khi:

a) Không còn làm việc và chấm dứt hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

d) Bắt đầu hoặc tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi có thanh đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó;

đ) Doanh nghiệp kiểm toán bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu;

e) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề kiểm toán của mình.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề không thông báo, báo cáo theo quy định cho Bộ Tài chính khi:

a) Không còn làm việc và chấm dứt hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

d) Bắt đầu hoặc tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi có thay đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó;

đ) Doanh nghiệp kiểm toán bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu;

e) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề kiểm toán của mình.

Mục 9. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 39. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm so với thời hạn quy định;

b) Nộp Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra chậm so với thời hạn quy định;

c) Thực hiện báo cáo khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập chậm so với thời hạn quy định.

d) Cung cấp không đúng thời hạn quy định, không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Không nộp Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra;

c) Không báo cáo theo yêu cầu khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập;

d) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét, thông tin tài chính, dịch vụ bảo đảm khác và dịch vụ liên quan;

b) Không xây dựng các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán;

c) Không tổ chức thực hiện việc kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét, thông tin tài chính, dịch vụ bảo đảm khác và dịch vụ liên quan;

d) Không thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán;

đ) Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không đúng thực tế cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

e) Không giải trình, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán;

g) Không bố trí kiểm toán viên hành nghề và những người có trách nhiệm liên quan làm việc với Đoàn kiểm tra;

h) Không ký báo cáo kết quả kiểm tra ngay khi kết thúc cuộc kiểm tra.

4. Phạt cảnh cáo đối với kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề có 1 hồ sơ có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 3 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán không đạt yêu cầu”.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề có từ 2 hồ sơ có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 3 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán không đạt yêu cầu” trở lên.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán có kết quả kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại 3 “Chất lượng dịch vụ kiểm toán không đạt yêu cầu”.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán có kết quả kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán xếp loại 3 “Chất lượng dịch vụ kiểm toán không đạt yêu cầu” qua hai lần kiểm tra liên tiếp.

8. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có từ 1 đến 2 hồ sơ có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 4 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng”.

9. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có từ 3 hồ sơ có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 4 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng”.

10. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 4 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng”.

11. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 4 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng” qua 2 lần kiểm tra liên tiếp.

12. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 4 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng” qua 3 lần kiểm tra liên tiếp.

13. Phạt tiền từ 900.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán có sai phạm nghiêm trọng về chuyên môn hoặc vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán theo quy định khi có kết quả kiểm tra kỹ thuật xếp loại 4 “Chất lượng hồ sơ kiểm toán yếu kém, có sai sót nghiêm trọng” qua 4 lần kiểm tra liên tiếp.

14. Phạt tiền mức gấp đôi mức phạt quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12 và khoản 13 Điều này đối với kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng có cùng hành vi vi phạm quy định tại các khoản này.

Chương IV

THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 40. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, gồm:

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập quy định tại Điều 41, Điều 42 của Nghị định này.

2. Công chức, viên chức, sĩ quan công an nhân dân, sĩ quan quân đội nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành có quyền lập biên bản vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao.

Điều 41. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra tài chính, thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra viên tài chính các cấp có quyền xử phạt cảnh cáo trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

2. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập như sau:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền tối đa đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Chánh thanh tra Bộ Tài chính, thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập như sau:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền tối đa đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập như sau:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền tối đa đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
2. Nghị định này thay thế các quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực kiểm toán độc lập tại Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập.
3. Áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý đối với các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực như sau:

Trong trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi vi phạm trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định này.
4. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính

còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh sô xô; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập để giải quyết.

5. Các nội dung quy định về xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh sô xô; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 44. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRONG BỘ
VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

(Đính kèm Tờ trình số/TTr-BTC ngày/12/2024)

Tổng số đơn vị gửi xin ý kiến: 7 đơn vị (TCDN, Vụ PC, Thanh tra Bộ TC, UBCKNN, Tổng Cục thuế, Cục QLG, Cục QLGS chính sách thuế phí và lệ phí)

Tổng số ý kiến nhận về: 5 đơn vị (Vụ PC, Thanh tra Bộ TC, Cục QL Giá, Cục QLGS chính sách thuế phí và lệ phí)

STT	ĐIỂM, KHOẢN, ĐIỀU	Ý KIẾN THAM GIA	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	Ý kiến tham gia chung		
1		Không có ý kiến khác. <i>(Cục QLGS chính sách thuế phí và lệ phí)</i>	
2		Đề nghị rà soát các quy định của Luật Xử lý VPHC, Nghị định quy định chi tiết Luật xử lý VPHC và các văn bản chuyên ngành có liên quan với lĩnh vực KTĐL; Luật sửa đổi, bổ sung Luật KTĐL và các văn bản quy định chi tiết để tránh bỏ sót hành vi VPHC. <i>(Cục QLG)</i>	<i>Tiếp thu ý kiến</i> , Cục QLKT đã rà soát Luật Xử lý VPHC, Nghị định quy định chi tiết Luật xử lý VPHC và các văn bản chuyên ngành có liên quan với lĩnh vực KTĐL; Luật sửa đổi, bổ sung Luật KTĐL và các văn bản quy định chi tiết để sửa đổi, bổ sung các quy định tại dự thảo Nghị định.
3		- Đề nghị Cục QLKT rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định để đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ quy định tại Quyết định số 178/QĐ-TW ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. - Nghiên cứu, đánh giá cụ thể việc phát sinh nội dung chuyển tiếp trong trường hợp có sự đan xen hoặc do có các nội dung thay đổi giữa nội dung	<i>Tiếp thu ý kiến</i> , Cục QLKT đã rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ quy định tại Quyết định số 178/QĐ-TW ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. - Đã nghiên cứu các nội dung phát sinh nội dung chuyển tiếp hoặc có các nội dung thay đổi giữa nội

của Nghị định này so với Nghị định số 41/2018/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại NĐ 102/2021/ND-CP), nhằm tránh tạo khoảng trống pháp lý hoặc thiếu cơ chế pháp lý xử lý xung đột pháp luật trong trường hợp khác nhau giữa văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về cùng một vấn đề; đảm bảo giải quyết đầy đủ các vướng mắc, bất cập trên thực tiễn. Từ đó, quy định cụ thể điều khoản chuyển tiếp để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Dự thảo Nghị định có nội dung là các vấn đề kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập thuộc phạm vi chuyên môn, thẩm quyền của Cục QLKT, do đó, đề nghị Cục QLKT (i) rà soát các quy định của pháp luật kế toán, kiểm toán độc lập, doanh nghiệp, v.v.; (ii) căn cứ thực tiễn quá trình quản lý, giám sát để dự thảo quy định cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi và chịu trách nhiệm về vấn đề này.

- Về trình tự, thủ tục xây dựng Nghị định: Theo thông tin của Cục QLKT tại công văn số 1144/QLKT-KT ngày 10/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành danh mục văn bản và phân công Bộ Tài chính chủ trì dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP theo quy trình rút gọn. Tuy nhiên, qua rà soát, hiện chưa có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục văn bản và phân công chủ trì dự thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Nghị quyết được Quốc Hội khóa

dung của Nghị định này so với Nghị định số 17/2012/NĐ-CP và đã bổ sung quy định vào dự thảo Nghị định.

- Cục đã rà soát các quy định của pháp luật kiểm toán độc lập, thực tiễn quá trình quản lý, giám sát và dự thảo quy định cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi.

- Về thủ tục, trình tự xây dựng Nghị định theo quy trình rút gọn: Tại công văn số 13771/BTC-PC ngày 16/12/2024 của Bộ Tài chính đã gửi Bộ Tư pháp đề xuất 15 văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 thuộc trách nhiệm chủ trì của BTC, trong đó có NĐ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL. Tiếp đó, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 133/Tr-BTP trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định theo đúng đề xuất của BTC.

- Đã rà soát dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ để thực hiện đúng theo mẫu quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

- Ngoài ra, dự thảo cũng được rà soát về ngôn ngữ và kỹ thuật trình bày đảm bảo theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

		<p>XV thông qua tại kỳ họp thứ 8. Do đó đó đề nghị Cục QLKT chủ động nắm bắt thông tin để thực hiện đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp được thực hiện theo quy trình rút gọn, đề nghị Cục QLKT căn cứ các quy định tại Điều 148, Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) để thực hiện.</p> <p>- Về hồ sơ dự thảo Nghị định: (i) Dự thảo Nghị định đề nghị làm theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; (ii) dự thảo Tờ trình Chính phủ đề nghị làm theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.</p> <p>- Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo: (i) Đề nghị Cục QLKT rà soát ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị định đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; (ii) việc đánh số thứ tự dự thảo Nghị định thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p> <p><i>(Vụ Pháp chế)</i></p>	
II	Về dự thảo Nghị định		
1	Điểm c khoản 1 Điều 3	<p>Đối với hành vi vi phạm về kiểm toán độc lập quy định tại Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hành chính để tính thời hiệu xử phạt là:</p> <p>- Thời điểm tổ chức, cá nhân thực hiện xong quy trình nghiệp vụ, yêu cầu công việc theo quy định</p>	<p>Giải trình: Đối với đề xuất của Vụ Pháp chế hiện nội dung đã được quy định rõ tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan;</p>

		<p>của pháp luật về kiểm toán độc lập;</p> <p>- Thời điểm tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi vi phạm để thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.</p> <p>Đề nghị Cục QLKT nghiên cứu, bổ sung quy định rõ nội dung nêu trên để đảm bảo không vướng mắc khi triển khai thực hiện.</p> <p>(Vụ Pháp chế)</p>	<p>kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; Quản lý, sử dụng tài sản công; Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Dự trữ quốc gia; Kho bạc nhà nước; Kế toán, kiểm toán độc lập (sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị định số 41/2018/NĐ-CP quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực KTĐL). Đối với nội dung này trong quá trình triển khai thực hiện, Cục QLKT không nhận được các kiến nghị, vướng mắc. Do vậy, Cục QLKT đề xuất giữ nguyên nội dung này tại Dự thảo Nghị định.</p>
Điểm a khoản 2 Điều 4	<p>Dự thảo Nghị định đã nâng khung tối đa của hình thức xử phạt tước quyền sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên từ 06 tháng lên 24 tháng. Đề nghị cục QLKT có thuyết minh cụ thể tại dự thảo Tờ trình Bộ và Chính phủ về nội dung này.</p> <p>(Pháp chế)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, dự thảo Nghị định hiện không quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên mà chuyển sang biện pháp quản lý nhà nước (đình chỉ giấy chứng nhận đăng ký hành nghề hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hành nghề hoặc thu hồi chứng chỉ KTV tùy theo tính chất và mức độ vi phạm).</p>	
Khoản 1 Điều 8	<p>Đề nghị sửa cụm từ “1. Phạt tiền cảnh cáo” thành “1. Phạt cảnh cáo” cho đúng với quy định tại khoản 1 Điều 4 của dự thảo Nghị định.</p> <p>(Thanh tra Bộ)</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, dự thảo đã sửa thống nhất thành “Phạt cảnh cáo” cho đúng quy định.</p>	
điểm d, điểm e và điểm g khoản 3 Điều 8	<p>Đề nghị quy định thêm hình thức xử phạt bổ sung: Thu hồi “<i>Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho học viên</i>”.</p> <p>(Thanh tra Bộ)</p>	<p>Giải trình: theo quy định tại Luật xử phạt VPHC thì hình thức xử phạt bổ sung không có hình thức thu hồi. Do vậy, việc đề xuất thu hồi Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho học viên là không phù hợp với Luật xử phạt VPHC.</p>	

<p>Điều 20 (khoản 3, 4, 5 và khoản 7, 8, 9), Điều 21 (khoản 2, 3, 4)</p>	<p>- Dự thảo Nghị định đang quy định các mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm và mức phạt tiền đối với việc tái phạm các hành vi vi phạm này (tái phạm lần 2 và tái phạm lần 3 trở đi).</p> <p>- Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính (15/2012/QH13) quy định vi phạm hành chính nhiều lần, tái phạm là tình tiết tăng nặng.</p> <p>- Khoản 4 Điều 23 Luật 15/2012/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xử lý vi phạm hành chính) quy định <i>“Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; ... nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt”</i>.</p> <p>- Điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 118/2021-NĐ-CP hướng dẫn luật xử lý vi phạm hành chính quy định: <i>“Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt”</i>.</p> <p>Do đó, đề nghị Cục QLKT xem xét:</p> <p>(1) Nghiên cứu các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn liên quan đến các tình tiết tăng nặng, hành vi tái phạm</p>	<p><i>Tiếp thu ý kiến</i>, dự thảo Nghị định đã sửa đổi không ghi cụm từ “tái phạm” để tránh gây hiểu nhầm là các tình tiết tăng nặng và quy định rõ hơn các hành vi vi phạm với tính chất và mức độ vi phạm lặp lại nhiều lần ở các lần kiểm tra, phát hiện khác nhau sẽ bị xử phạt với mức độ nặng hơn.</p>
--	---	---

		<p>để đề thiết kế các quy định tại Điều 20 và 21 cho phù hợp.</p> <p>(2) Rà soát lại cụm từ “<i>tái phạm lần 2</i>” và “<i>tái phạm lần 3</i>” tại khoản 4 và khoản 5 Điều 20 để tránh gây ra 02 cách hiểu khác nhau, ví dụ: (i) tái phạm lần 2 là vi phạm lần thứ 3; và (ii) tái phạm lần 2 là vi phạm lần thứ 2.</p> <p>(3) Rà soát lại cụm từ “<i>lần đầu/ lần thứ 2/ lần thứ 3 hành nghề kiểm toán với tư cách cá nhân</i>” tại khoản 7, 8, 9 Điều 20 để cân nhắc tính số lần vi phạm theo số đơn vị được kiểm toán, tránh gây vướng mắc trong quá trình xử lý vi phạm.</p> <p>(Vụ Pháp chế)</p>	
Điều 37, Điều 39		<p>Đề nghị cân nhắc, bổ sung quy định tình tiết tăng nặng đối với hành vi vi phạm hành chính nhiều lần theo quy định điểm d khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (phạt tiền mức tối đa khung tiền phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính nhiều lần).</p> <p>Lý do: Qua rà soát một số bộ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập có hành vi vi phạm nhiều lần như: Công ty TNHH Tư vấn Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam (<i>Quyết định số 125/QĐ-XPHC ngày 29/3/2024</i>), Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam (<i>Quyết định số 344/QĐ-XPHC ngày 05/11/2024</i>), ... Thanh tra Bộ Tài chính thấy: Hiện nay, các hành vi vi phạm hành chính nhiều lần đang bị xử phạt tiền ở mức trung bình của khung tiền phạt về từng hành vi vi</p>	<p>Giải trình, dự thảo đã quy định khung phạt tiền (từ... đến) mà không cố định mức phạt tiền cụ thể. Do vậy, khi lập biên bản xử phạt và ra quyết định xử phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ để xử lý phù hợp với hành vi và mức độ vi phạm. Ngoài ra, Luật xử lý vi phạm cũng quy định rõ các trường hợp sẽ phạt tiền ở mức tối đa, thấp nhất khung tiền phạt hay mức trung bình. Do vậy, không cần thiết phải bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị định.</p>

		phạm; việc xử phạt vi phạm như vậy không đảm bảo tính răn đe trong xã hội. (Thanh tra Bộ)	
Khoản 3 Điều 37	Đang quy định chế tài xử lý vi phạm đối với hành vi (i) thông báo chậm so với thời hạn quy định và (ii) không thông báo. Đề nghị Cục QLKT nghiên cứu có quy định cụ thể về mốc thời gian để phân biệt giữa việc chậm và không thông báo. Đồng thời, để đảm bảo thống nhất, đề nghị rà soát quy định tại điểm l khoản 1 Điều 37: theo dự thảo chỉ quy định hành vi chậm thông báo so với thời hạn quy định mà không quy định hành vi không thông báo. (Vụ Pháp chế)	Giải trình: Các quy định về mốc thời gian chậm thông báo, báo cáo của KTV hay DNKT đã được quy định cụ thể tại các Luật KTĐL và các văn bản hướng dẫn Luật (như Nghị định số 17/2012/NĐ-CP và các Thông tư số 202/2012/TT-BTC; Thông tư số 203/2012/TT-BTC, Thông tư số 157/2014/TT-BT,...). Do vậy, dự thảo Nghị định không cần phải bổ sung các mốc thời gian cụ thể mà chỉ cần nêu “ <i>thông báo/báo cáo chậm so với thời gian quy định</i> ”.	
khoản 1 Điều 40	“1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập quy định tại Điều 70, Điều 71 của Nghị định này.” Đề nghị xem lại “Điều 70, Điều 71” không có trong Nghị định này. (Thanh tra Bộ)	Tiếp thu ý kiến, dự thảo Nghị định đã rà soát hoàn thiện tham chiếu nội dung cho phù hợp.	
Điều 41, Điều 42	Tại Điều 41 và Điều 42 của dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập gồm: Thanh tra viên tài chính các cấp; Chánh thanh tra Sở Tài chính; Chánh thanh tra Bộ Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (xã, huyện, tỉnh). Theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 21 Điều 1	Tiếp thu ý kiến tham gia, Tiếp thu ý kiến tham gia, dự thảo đã bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với “thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành” theo quy định của tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ các đối tượng theo đề nghị. Đồng thời vẫn giữ nguyên thẩm quyền đối với Chánh	

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020:

“21. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 46 như sau:

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra bộ, ... các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt có quyền:;”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau: “5. ... Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.”

Và quy định tại khoản 7 Điều 20 Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

“Điều 20. Tổng cục, Cục thuộc Bộ được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ...

7. Bộ Tài chính: Cục Quản lý công sản, Cục Quản lý giá, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí, Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế.”

Đề nghị Cục QLGS KTKT bỏ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc

thanh tra Bộ Tài chính để đảm bảo tính đầy đủ và không có khoảng trống pháp lý trong thời gian Cục trưởng Cục QLKT chưa được xử phạt VPHC.

	<p>lập đối với chức danh “<i>Chánh thanh tra Bộ Tài chính</i>” đồng thời bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với chức danh “<i>Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán</i>” và chức danh “<i>Trưởng đoàn thanh tra Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán</i>” cho đúng quy định pháp luật nêu trên.</p> <p>(Thanh tra Bộ)</p>	
Khác	<p>Đề nghị Cục QLGSCKTKT rà soát kỹ và bỏ cụm từ “<i>kế toán</i>” trong dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập; ví dụ như:</p> <p>(1) điểm c khoản 2 Điều 2 “c) <i>Tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán;</i></p> <p>(2) Điều 6. <i>Mức phạt tiền trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập ... ;</i></p> <p>(3) Khoản 4 Điều 7 “4. <i>Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân có hành vi thi hộ người khác hoặc nhờ người khác thi hộ trong kỳ thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên.</i>”</p> <p>(4) Khoản 3 Điều 11: “3. <i>Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.</i>” ...</p> <p>(Thanh tra Bộ)</p>	<p><i>Tiếp thu</i>, dự thảo đã bỏ cụm từ “<i>kế toán</i>” và điều chỉnh các nội dung cho thống nhất.</p>